

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2021/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 472/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

1. Bổ sung điểm p khoản 2 Điều 1 như sau:

“p) Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).”

2. Sửa đổi điểm b, đ khoản 7 Điều 5 như sau:

“b) Miễn thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp sau: Hộ nghèo; đăng ký biến động do sáp nhập thôn, xã, phường, thị trấn hoặc do nhà nước thu hồi một phần thửa đất hoặc do sạt lở tự nhiên; đính chính giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan nhà nước; cấp đổi giấy chứng nhận do thực hiện chủ trương của tỉnh về dồn điền đổi thửa, tích tụ, tập trung ruộng đất;

đ) Mức thu phí đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:

TT	Nội dung thu	Mức thu theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2 (đồng/hồ sơ)	Mức thu theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (đồng/hồ sơ)
<b>I</b>	<b>Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu (kể cả chứng nhận hoặc không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất):</b>		
1	Đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất:		
-	Khu vực đô thị	150.000	130.000
-	Khu vực nông thôn	70.000	60.000
2	Đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh:		
-	Dưới 01 ha	500.000	400.000
-	Từ 01 ha đến dưới 05 ha	1.000.000	800.000
-	Từ 05 ha đến dưới 10 ha	2.000.000	1.600.000
-	Từ 10 ha trở lên	3.000.000	2.400.000
<b>II</b>	<b>Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (kể cả trường hợp cấp trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):</b>		
1	Đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất:		
-	Khu vực đô thị	150.000	130.000

-	Khu vực nông thôn	70.000	60.000
2	Đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh	500.000	400.000
<b>III</b>	<b>Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với chuyển quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất</b>		
1	Đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất:		
-	Khu vực đô thị	150.000	130.000
-	Khu vực nông thôn	70.000	60.000
2	Đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh	500.000	400.000
<b>IV</b>	<b>Đăng ký biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp do lỗi người sử dụng đất:</b>		
1	Đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất:		
-	Khu vực đô thị	90.000	80.000
-	Khu vực nông thôn	60.000	50.000
2	Đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh	150.000	120.000

3. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a và sửa đổi điểm d khoản 12 Điều 5 như sau:

“a1) Miễn thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với các cơ quan Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh”.

“d) Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí: 85% số tiền phí thu được.”

4. Sửa đổi điểm đ khoản 14 Điều 5 như sau:

“đ) Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí: 85% số tiền phí thu được.”

5. Bổ sung khoản 15 Điều 5 như sau:

“15. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

b) Đơn vị tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu phí đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã ủy quyền tổ chức thu phí đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã cấp phép;

## c) Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/dự án, cơ sở)
1	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép	6.100.000
2	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã cấp phép	4.700.000

d) Mức thu phí thẩm định lại (do Hội đồng thẩm định không thông qua) cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường lần đầu;

đ) Mức phí tại các điểm c, d khoản này không bao gồm chi phí đi lại của Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở và chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định;

e) Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí: 80% số tiền phí thu được.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a, c, d khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức yêu cầu đăng ký thường trú, tạm trú và gia hạn tạm trú;

c) Đơn vị tổ chức thu lệ phí: Công an xã, phường, thị trấn tổ chức thu lệ phí đối với các trường hợp đăng ký cư trú trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Mức thu lệ phí:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần cấp)
<b>I</b>	<b>Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường nội thành thành phố, thị xã:</b>	
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ gia đình hoặc một người	15.000
2	Gia hạn tạm trú	15.000
<b>II</b>	<b>Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú ở các khu vực khác</b>	
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ gia đình hoặc một người	10.000
2	Gia hạn tạm trú	10.000

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 6 như sau:

TT	Nội dung	Mức thu (đồng/01 giấy phép)
1	Cấp mới	480.000
2	Cấp lại	360.000
3	Gia hạn	360.000

8. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 5 Điều 6 như sau:

“a1) Miễn thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp sau: Hộ nghèo; đăng ký biến động do sáp nhập thôn, xã, phường, thị trấn hoặc do nhà nước thu hồi một phần thửa đất hoặc do sạt lở tự nhiên; đính chính giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan nhà nước; cấp đổi giấy chứng nhận do thực hiện chủ trương của tỉnh về dồn điền đổi thửa, tích tụ, tập trung ruộng đất;”

**Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

1. Bãi bỏ điểm 1 khoản 2 Điều 1.
2. Bãi bỏ khoản 11 Điều 5.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.



**Hoàng Trung Dũng**